

ĐIỂM LẠI

Cập nhật Tình hình Phát triển Kinh tế Việt Nam

DO NGÂN HÀNG THẾ GIỚI SOẠN THẢO
Cho Hội nghị Tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam
Thành phố Hà Tĩnh, 8-9 tháng 6, 2011

Báo cáo này do Deepak Mishra và Đinh Tuấn Việt soạn thảo, có sự đóng góp của các đồng nghiệp gồm Mette Frost Bertelsen, Ben Bingham, Sameer Goyal, Ivailo Izvorski, Valerie Kozel, Keiko Kubota và Triệu Quốc Việt, dưới sự hướng dẫn của Victoria Kwakwa. Nguyễn Lan Phương hỗ trợ biên soạn.

BẢN DỊCH KHÔNG CHÍNH THỨC

MỤC LỤC

TÓM TẮT TỔNG QUAN

- I. DIỄN BIẾN KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ KHU VỰC GẦN ĐÂY VÀ TRIỂN VỌNG
 - A Kinh tế toàn cầu phục hồi: Vững chắc nhưng không đồng đều
 - B Bối cảnh khu vực: Việt Nam có phải là ngoại lệ so với chuẩn khu vực
- II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ GẦN ĐÂY CỦA VIỆT NAM
 - A. Phục hồi theo chu kỳ kinh tế trong bối cảnh chậm chuyển dịch cơ cấu
 - B. Ngoại thương phát triển mạnh
 - C. Cán cân đối ngoại – tâm trạng lẫn lộn
 - D. Lạm phát gia tăng ở mức cao
 - E. Ước tính Chi số bình ổn kinh tế vĩ mô của Việt Nam
 - F. Tình hình tài khóa và nợ quốc gia
 - G. Diễn biến trong khu vực ngân hàng
- III. CÁC ĐỘNG THÁI CHÍNH SÁCH
 - A. Nghị quyết 11: Tất cả mới chỉ là sự khởi đầu
- IV. TRIỂN VỌNG TRONG VÀ SAU NĂM 2011

Phụ lục

Ước tính Chi số bình ổn Kinh tế Vĩ mô của Việt Nam (VIMS)

TÓM TẮT TỔNG QUAN

- i. **Trong vài năm vừa qua, tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam đi theo một xu hướng đã được dự đoán trước.** Khi đối mặt với các cú sốc bên ngoài, các cơ quan chức năng lựa chọn bảo vệ tốc độ tăng trưởng nhanh của nền kinh tế, kể cả khi điều đó có nghĩa là phải chịu mức độ bất ổn về kinh tế vĩ mô cao hơn. Điều này đồng nghĩa với việc tốc độ tăng trưởng chậm lại chỉ chút ít và nền kinh tế thường xuyên rơi vào tình trạng tăng trưởng nóng. Do vậy, khi nền kinh tế bắt đầu tăng trưởng quá nóng vào cuối năm 2010 và sau những trì hoãn trong việc rút lại các gói kích thích tài khóa và tiền tệ đã được áp dụng vào năm 2009, không nhiều nhà quan sát dự đoán rằng chính phủ lại có phản ứng kiên quyết nhằm ngăn chặn tình trạng bất ổn kinh tế vĩ mô kế tiếp.
- ii. **Tình trạng bất ổn kinh tế vĩ mô hiện nay có mức độ trầm trọng ngang bằng với đợt tăng trưởng nóng trước vào giữa năm 2008.** Chúng tôi thử xây dựng một mô hình ước tính tình trạng bất ổn kinh tế vĩ mô – Chỉ số Ổn định Kinh tế Vĩ mô của Việt Nam (VIMIS) dựa trên biến động của bốn biến số là tỉ giá danh nghĩa, dự trữ ngoại hối, tốc độ lạm phát và lãi suất danh nghĩa. Kết quả của phép đo này cho thấy mức độ mất ổn định kinh tế vĩ mô hiện nay đã đến sát với mức độ bất ổn vào giữa năm 2008, tuy nhiên vẫn chưa vượt quá. Song khác với năm 2008, khi mức độ mất ổn định tăng mạnh và lại giảm ngay, với đợt tăng trưởng nóng này tình trạng mất ổn định đã kéo dài trong một thời gian khá dài – từ tháng 11/2010 đến tháng 2/2011 – làm cho nền kinh tế Việt Nam rơi vào một thời kỳ lo ngại và bất trắc kéo dài.
- iii. **Chính phủ Việt Nam đã thành công trong việc phục hồi lại mức độ ổn định vĩ mô đáng kể trong vòng vài tháng qua.** Sau kết thúc thành công của Đại hội Đảng XIth và Tết Nguyên Đán vào đầu tháng 2, các cơ quan chức năng đã hành động nhanh nhẹn để giải quyết các vấn đề kinh tế vĩ mô của đất nước. Tiền đồng của Việt Nam bị phá giá 9,3% so với đồng đô-la Mỹ vào ngày 11/2/2011, và một gói chính sách bình ổn – một phần được thể hiện thông qua Nghị quyết 11 – đã được phê duyệt vào ngày 24/2/2011. Nghị quyết 11 bao gồm những mục tiêu chính sách tiền tệ và tài khóa táo bạo, củng cố lẫn nhau và rất nhất quán, và gồm cả việc chính phủ lên kế hoạch tiến hành các biện pháp tái cơ cấu, cải cách doanh nghiệp nhà nước, cải thiện thông tin thị trường và bảo vệ người nghèo khỏi những cú sốc bất ổn kinh tế vĩ mô trong tương lai.
- iv. **Các nỗ lực bình ổn kinh tế - tất cả mới là sự khởi đầu.** Dù ban đầu có nhiều băn khoăn, song hiện nay dư luận đã công nhận rộng rãi rằng Nghị quyết 11 là một kế hoạch đáng tin cậy và là một bước đi quan trọng để dành lại sự ổn định kinh tế vĩ mô cho Việt Nam. Lần đầu tiên sau ba năm, đồng Việt Nam đã được giao dịch tại các ngân hàng thương mại thấp hơn tỷ giá tham chiếu chính thức. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam bắt đầu mua ngoại tệ trên thị trường liên ngân hàng, qua đó nâng cao dự trữ ngoại hối lên đáng kể. Mức độ rủi ro tín dụng của Việt Nam trên thị trường quốc tế đã cải thiện trong thời gian qua. Tuy nhiên vẫn còn vô số rủi ro vĩ mô trong hệ thống và chúng có thể làm đảo ngược những kết quả bước đầu trong ba tháng vừa qua.

- v. **Mặc dù đạt được thành công bước đầu, các cơ quan chức năng vẫn cần cảnh giác nếu chấm dứt quá sớm các biện pháp chính sách theo Nghị quyết 11.** Việc thực hiện Nghị quyết 11 không phải chỗ nào cũng được làm tốt: những nỗ lực kiểm soát đầu tư công bị chậm triển khai, cải cách doanh nghiệp nhà nước chưa được thể hiện rõ ràng và các biện pháp nhằm thông tin tốt hơn với thị trường vẫn còn chậm chạp và do dự. Với dự kiến tăng trưởng sẽ chậm lại trong quý hai và quý ba năm 2011, có thể sẽ nảy sinh nhu cầu nói lỏng chính sách tiền tệ và tài khóa vào những thời điểm nhất định và cải cách cơ cấu đi chậm lại. Nhượng bộ cho những nhu cầu này có thể buộc toàn thể nền kinh tế phải trả giá đắt. Hơn nữa, đây là cơ hội để các cơ quan chức năng khôi phục lại sự tín nhiệm thông qua việc thực hiện Nghị quyết 11 một cách cương quyết và hiệu quả cho đến khi đạt được ít nhất là ba mốc quan trọng dưới đây: (i) lạm phát trở về mức bình ổn một chữ số; (ii) hoàn toàn xóa bỏ được chênh lệch về tỉ giá; và (iii) mức dự trữ ngoại hối tối thiểu tương đương với 2,5 tháng nhập khẩu.
- vi. **Chúng tôi dự báo tình hình kinh tế Việt Nam sẽ dần dần được cải thiện trong sáu tháng cuối năm 2011.** Tốc độ lạm phát dự kiến lên cao nhất trong quý hai và sau đó giảm dần xuống khoảng 15% vào cuối năm, khi chính sách thắt chặt phát huy đầy đủ tác dụng. Mức thâm hụt tài khoản vãng lai ước tính vào khoảng 5% GDP và thị trường ngoại hối sẽ ổn định trong tương lai gần. Một khi sự ổn định kinh tế vĩ mô dần được khôi phục, tình trạng “biến vốn” (capital flight) dự kiến sẽ giảm đi trong năm 2011, giúp cho NHNN tích lũy dự trữ ngoại tệ nhanh hơn. GDP sau khi chững lại vào quý một và quý hai sẽ tăng mạnh trở lại vào cuối năm. Chúng tôi dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2011 sẽ giảm xuống khoảng 6%, với tiềm năng tăng trở lại đáng kể vào năm 2012. Các rủi ro chính đối với triển vọng này bao gồm chấm dứt quá sớm các biện pháp bình ổn, sự trở lại của các vấn đề trong hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp nhà nước, và giá cả hàng hóa thế giới tiếp tục tăng hoặc cuộc khủng hoảng nợ ở châu Âu tới hồi kịch phát và những ảnh hưởng lây lan của nó đến những khu vực khác trên thế giới.

I. DIỄN BIẾN KINH TẾ TOÀN CẦU VÀ KHU VỰC GẦN ĐÂY VÀ TRIỂN VỌNG

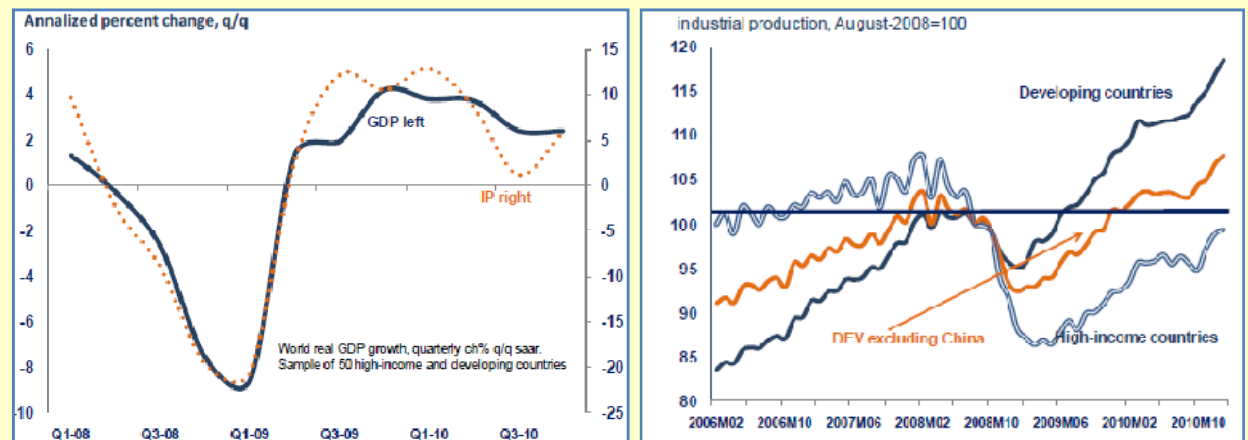
I.A Kinh tế toàn cầu phục hồi: Vững chắc nhưng không đồng đều¹

1. Sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu đã bắt rễ chắc chắn, mặc dù có những căng thẳng gia tăng và khả năng có các biến cố xấu bất thường ở nhiều khu vực trong những tháng gần đây. GDP của các nước đang phát triển tăng trưởng 7% trong năm 2010, sản xuất công nghiệp và thương mại toàn cầu lại tăng trưởng mạnh mẽ (xem Biểu đồ 1, hình trái). Các động lực phục hồi chính bao gồm nhu cầu nội địa mạnh mẽ của các nước đang phát triển, thương mại nam-nam tăng mạnh, các điều kiện thị trường lao động được cải thiện ở một số nền kinh tế có thu nhập cao, chính sách tài khóa và tiền tệ tiếp tục mở rộng ở hầu hết các nền kinh tế phát triển, và giảm đi lực cản đối với tăng trưởng nhờ sự phục hồi của khu vực tài chính. Những yếu tố này cho tới nay đã làm trung hòa ảnh hưởng của một số cú sốc tiêu cực như giá cả hàng hóa toàn cầu tăng, bất ổn về chính trị ở Trung Đông và Bắc Phi, thiên tai và thảm họa hạt nhân ở Nhật Bản.

Biểu đồ 1: Kinh tế toàn cầu phục hồi mạnh mẽ, trong đó các nước đang phát triển đóng vai trò lớn hơn

Trái: Kinh tế toàn cầu phục hồi vững chắc...

Phải: với tốc độ không đồng đều



Nguồn: Triển vọng Kinh tế Toàn cầu (2011)

2. Mặc dù khủng hoảng kinh tế có tính chất toàn cầu, song quá trình phục hồi dường như lại mang đậm nét địa phương. Sự phục hồi của sản xuất công nghiệp đã làm sản lượng của các nước đang phát triển tăng hơn 19% so với mức sản lượng trước thời điểm khủng hoảng vào tháng 8/2008 (biểu đồ 1, hình phải), trong khi đó sản lượng của các nước có thu nhập cao thấp hơn so với thời điểm tháng 2/2008 là 8%. Sản lượng công nghiệp của Trung Quốc cao hơn so với mức trước khi khủng hoảng là 40%, cả khu vực Đông Á và Việt Nam khoảng 35%. Ở Châu Âu, kết quả phục hồi của các nền kinh tế ngoại vi dường như không đi đôi với kết quả tăng trưởng của các nền kinh tế cốt lõi, dẫn đến hai tốc độ phục hồi khác nhau của châu Âu. Tương tự, mặc dù nền kinh tế Mỹ phục hồi vững chắc, song sự thiếu đồng thuận chính trị để giải quyết các vấn

¹ Theo “Dự thảo Triển vọng Kinh tế toàn cầu,” Ngân hàng Thế giới (Tháng 6, 2011).

đề tài khóa và nợ của Mỹ bắt đầu làm cho thị trường lo ngại. Sự phục hồi của nền kinh tế Nhật Bản đã bị cản trở bởi động đất và sóng thần tàn phá, điều này cũng làm ảnh hưởng đến nền kinh tế Việt Nam dù ở mức độ khiêm tốn (Xem Hộp 1).

Hộp 1: Tác động của động đất và sóng thần ở Nhật bản đối với nền kinh tế Việt Nam

Các ước tính chính thức cho biết mức độ thiệt hại do đợt động đất và sóng thần ngày 11 tháng 3 ở Nhật Bản vào khoảng 3-5% GDP Nhật Bản, trực tiếp ảnh hưởng đến khu vực chiếm khoảng 4% GDP Nhật Bản và 4,5% dân số. Khoảng 450 nghìn người bị mất nhà ở, khoảng trên 20.000 thiệt mạng. Mặc dù ở một vài khía cạnh, quy mô của đợt thiên tai vừa rồi có thể so sánh với trận động đất ở Kobe năm 1005, song có những khác biệt đáng kể như khủng hoảng hạt nhân, thiệt hại cao hơn về sinh mạng và tài sản do sóng thần gây ra. Đặc biệt, trận thiên tai này đã phá hủy khoảng 7,3% lượng cung cấp điện năng của Nhật Bản, trong đó khoảng 3,8% là do hư hỏng hệ thống nhiệt điện, và 3,5% là hệ thống điện hạt nhân.

Trong khi trận thiên tai ở Kobe có ít tác động đến tăng trưởng GDP, đợt khủng hoảng lần này dự kiến sẽ làm tăng trưởng của Nhật Bản giảm đi đáng kể. Sự phục hồi sau đợt thiên tai năm nay cũng khác, do tình trạng mất điện và chi tiêu tiêu dùng giảm mạnh trong những tuần đầu tiên sau khủng hoảng. Doanh số bán lẻ trong tháng Ba giảm 8,5% so với cùng kỳ năm trước, doanh số thiết bị máy móc và kinh doanh giảm 17%. Trong ngành công nghiệp ô tô, tình trạng đình trệ dự kiến sẽ kéo dài đến cuối quý hai, khả năng làm cho sản lượng giảm một nửa. Mặc dù còn nhiều điều bất trắc, song nhiều người cho rằng GDP của quý hai sẽ giảm khoảng từ 3-10% (tính theo năm) trước khi những nỗ lực tái thiết khắc phục được tác động của sự đình đốn của nền kinh tế và làm cho tăng trưởng quay trở lại.

Nhật Bản và Việt Nam có mối quan hệ kinh tế mật thiết. Nhật là đối tác thương mại lớn thứ tư của Việt Nam. Đồng thời Nhật cũng là nước viện trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam. Nhật Bản là một trong ba nước có đầu tư nước ngoài lớn nhất vào Việt Nam. Năm 2010, Việt Nam đã nhận được khoảng gần 4,5 tỉ USD ngoại tệ từ Nhật Bản thông qua xuất khẩu, ODA, FDI, kiều hối từ người lao động Việt Nam ở Nhật và doanh thu của ngành du lịch từ các du khách Nhật Bản.

Mặc dù có quan hệ kinh tế mật thiết như vậy, song ảnh hưởng trực tiếp của sóng thần và động đất dự đoán không quá 0,2% tăng trưởng hàng năm của Việt Nam. Tuy nhiên, mặc dù tốc độ tăng trưởng nói chung có thể chậm lại không nhiều, song tác động đối với một số ngành có thể rất đáng kể, như các ngành dệt may, thủy sản và dây cáp điện. Lý do vì sao tác động tổng thể lại nhỏ là: (i) tỉ trọng thương mại với Nhật Bản trong tổng giá trị thương mại của Việt Nam liên tục giảm, vì Việt Nam đã đa dạng hóa các thị trường xuất khẩu của mình đặc biệt sau khi gia nhập WTO; (ii) với việc duy trì sự tăng trưởng lâu dài về lợi ích thương mại của Nhật Bản đối với Việt Nam, chúng tôi cho rằng nguồn vốn FDI cam kết từ Nhật Bản sẽ được duy trì ở mức cao, dù trong thời gian trước mắt có thể giảm nhẹ; và (iii) cuối cùng, các quan chức Nhật bản vẫn cam kết rằng ODA dành cho Việt Nam sẽ không bị ảnh hưởng bởi những biến cố gần đây.

Nguồn: Triển vọng Kinh tế Toàn cầu, Ngân hàng Thế giới (tháng 6/2011); Ngân hàng ANZ, Tác động của cuộc khủng hoảng ở Nhật Bản đối với Việt Nam (6/4/2011)

3. **Áp lực tăng giá trở lại đối với giá cả hàng hóa toàn cầu là mối nguy cơ lớn đối với sự phục hồi của nền kinh tế toàn cầu.** Sử dụng vốn chặt chẽ hơn, tăng trưởng nhanh hơn, căng thẳng ở Trung Đông và các cú sốc cung sản phẩm nông nghiệp làm cho giá cả hàng hóa toàn cầu ngày càng tăng. Giá cả các mặt hàng lương thực được mua bán trên thị trường quốc tế đã lên gần đến mức như trong cuộc khủng hoảng lương thực năm 2008. Tuy nhiên, giá ngũ cốc – thành phần lương thực quan trọng nhất đối với người nghèo và một trong những mặt hàng xuất khẩu

chủ lực của Việt Nam – lại không tăng nhiều như trong năm 2008. Giá dầu thô đã tăng do nhu cầu tăng cao ở châu Á và kỳ vọng thắt chặt nguồn cung trong tương lai, đình trệ trong sản xuất dầu do biến động chính trị ở Trung Đông và Bắc Phi.

4. Bất chấp tình trạng trì trệ gần đây, tăng trưởng toàn cầu dự báo sẽ ở mức cao từ năm 2011 đến 2013. Ở các quốc gia có thu nhập cao, tác động tiêu cực của việc tái cấu trúc ngành ngân hàng và sự giảm sút trong ngành bất động sản sẽ phần nào giảm xuống, và nhiều nước đang phát triển sẽ hoạt động trở lại ở mức tiềm năng. Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế Toàn cầu mới nhất (2011), một ấn phẩm của Ngân hàng Thế giới, thì tăng trưởng GDP toàn cầu từ mức 3,8% trong năm 2010 sẽ giảm xuống 3,2% trong năm 2011 trước khi tăng lên mức 3,6% trong cả hai năm 2012 và 2013.

I.B Bối cảnh khu vực: Việt Nam có phải là ngoại lệ so với chuẩn khu vực?²

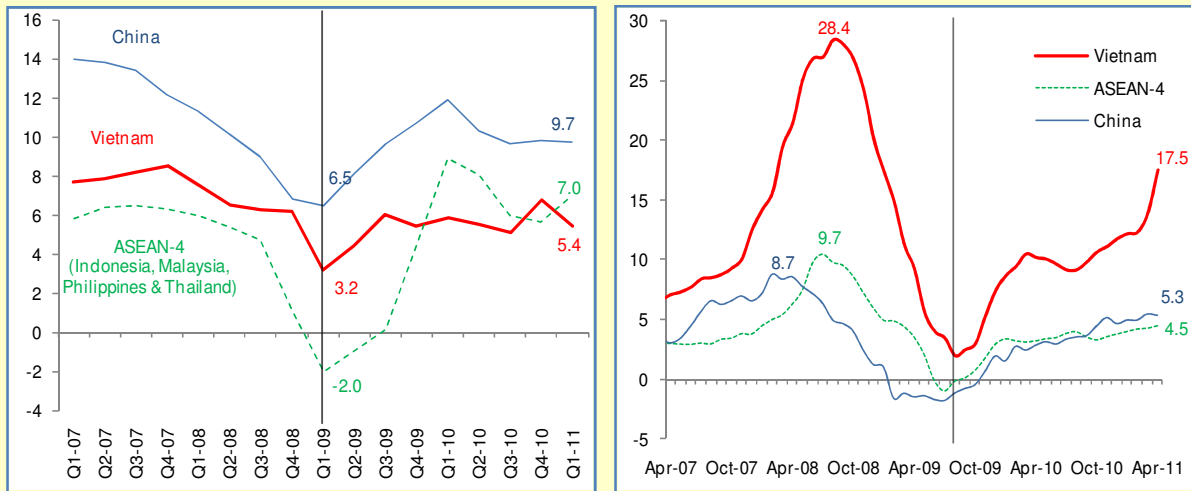
5. Tăng trưởng sản lượng trong toàn khu vực Đông Á năm 2010 đều mạnh. Kết quả khả quan này phản ánh các biện pháp kích thích tiền tệ và tài khóa đã được duy trì và tăng trưởng mạnh hơn về nhu cầu của thị trường toàn cầu. Tăng trưởng GDP thực ở các nền kinh tế đang phát triển thuộc Đông Á – Thái Bình Dương (EAP) vào khoảng 9,6% trong cả năm 2010, cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng của Việt Nam là 6,8%. Tăng trưởng năm 2010 là tăng trưởng rộng khắp, với bảy nước đang phát triển ở Đông Á tăng trưởng từ 7% trở lên. Tỷ lệ tăng trưởng năm 2010 đặc biệt cao đối với những nước đã có tăng trưởng âm trong năm 2009 và do vậy biểu đồ hồi phục tăng trưởng có hình chữ V. Tuy nhiên, những nước như Trung Quốc và Việt Nam với tốc độ tăng trưởng chậm lại không nhiều trong năm 2009 thì tăng trưởng trong năm 2010 lại không tăng tốc (hình trái, Biểu đồ 2).

² Phần này dựa trên “Cập nhật triển vọng Kinh tế Đông Á - Thái Bình Dương,” Ngân hàng Thế giới (tháng Ba, 2011).

Biểu đồ 2: Tăng trưởng và lạm phát ở một số nước khu vực Đông Á – Thái Bình Dương

Trái: tốc độ tăng trưởng GDP theo quý (so cùng kỳ năm trước)

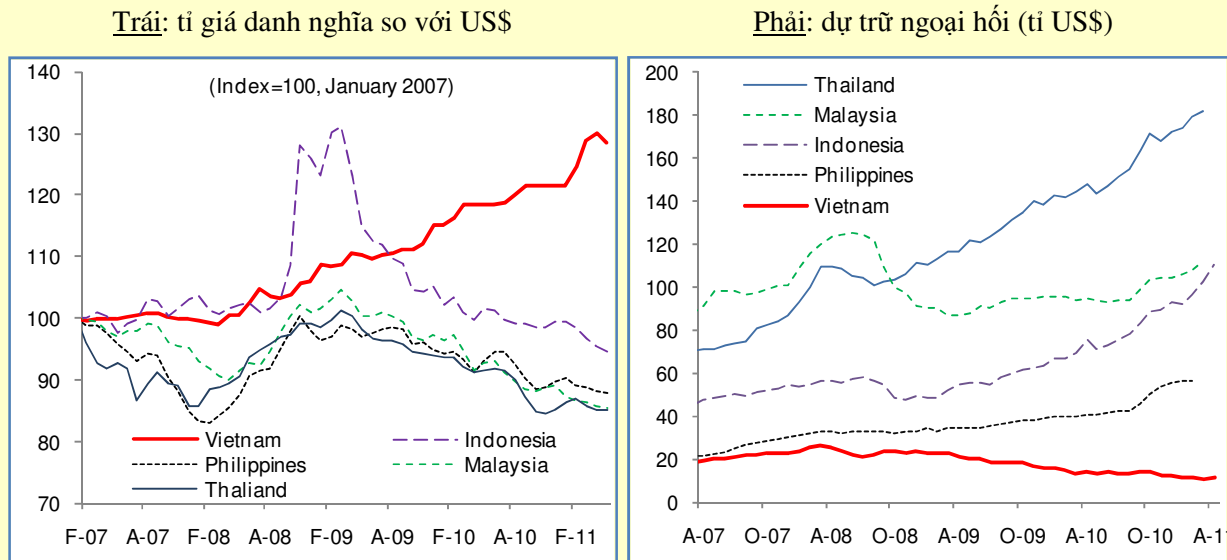
Phải: Tỷ lệ lạm phát CPI hàng tháng (so cùng kỳ năm trước)



Nguồn: Cập nhật Kinh tế Đông Á – Thái Bình Dương (2011)

6. **Lạm phát giá tiêu dùng tăng nhanh hơn so với dự kiến kể từ cuối 2010 do giá lương thực và hàng hóa tăng mạnh, nhu cầu trong nước cao và thắt chặt tiền tệ một phần.** Lạm phát cao hơn mục tiêu đề ra hay dự báo chính thức ở Trung Quốc, Indonesia, Hàn Quốc và Việt Nam, cao hơn mức yên tâm của chính phủ ở một vài nước khác. Xu hướng biến động giống nhau của tỷ lệ lạm phát ở nhiều nước cho thấy vai trò ảnh hưởng ngày càng tăng của các yếu tố toàn cầu đối với giá cả trong nước (hình phải, biểu đồ 2). Tuy nhiên, đồng thời tỷ lệ lạm phát cao kéo dài ở Việt Nam cho thấy vấn đề cố hữu trong lập trường chính sách của Việt Nam là “thiên vị tăng trưởng và thiên vị lạm phát”, cũng như vị thế của Việt Nam là một nước có dư và xuất khẩu lương thực lớn – về sau này giải thích khả năng chịu đựng cao hơn của Việt Nam đối với lạm phát cao hơn, đặc biệt là lạm phát giá lương thực. Hơn nữa, Việt Nam đã đi trước các nước láng giềng trong khu vực trong việc chuyển giá nhiên liệu và năng lượng cho người tiêu dùng trong nước, do vậy đã chịu đợt lạm phát “chi phí đẩy từ bên ngoài” sớm hơn so với hầu hết các nước khác trong khu vực.

Biểu đồ 3: Biến động tỉ giá danh nghĩa (so với đồng đô-la) và dự trữ ngoại hối ở một số quốc gia khu vực Đông Á – Thái Bình Dương



Nguồn: Cập nhật Kinh tế Đông Á – Thái Bình Dương (2011)

7. **Phần lớn các quốc gia trong khu vực đều có đồng tiền lên giá và dự trữ ngoại hối tăng, trong khi Việt Nam đi ngược lại xu hướng này.** Với tình hình lãi suất thấp ở các nền kinh tế phát triển và triển vọng tăng trưởng sáng sủa hơn ở những nền kinh tế mới nổi, luồng vốn đổ vào các nền kinh tế mới nổi tăng mạnh, đặc biệt là các nước đang phát triển ở châu Á. Các nước áp dụng các công cụ chính sách khác nhau để bảo vệ cho nền kinh tế của mình không bị ảnh hưởng bởi những biến động bất thường trong luồng vốn từ bên ngoài đổ vào, và gia tăng dự trữ ngoại hối (hình phải, biểu đồ 3), và trong một số trường hợp cực đoan còn áp dụng các cơ chế kiểm soát vốn. Mặc dù Việt Nam vẫn tiếp tục nhận được các dòng vốn mạnh mẽ, chủ yếu là đầu tư trực tiếp nước ngoài và một số đầu tư gián tiếp – song cơ quan chức năng đang phải đối mặt với một tình thế tiến thoái lưỡng nan khác – đó là ngăn không cho đồng nội tệ bị mất giá và tìm cách tăng nhanh dự trữ ngoại hối đang cạn dần. Đây chủ yếu là hệ quả của tình trạng biến vốn (capital flight), đồng thời phản ánh tình trạng găm giữ ngoại tệ trong dân ngoài hệ thống tài chính chính thức như một cách phòng ngừa rủi ro trước tình hình lạm phát và đồng tiền mất giá.

8. **Nhìn chung, triển vọng kinh tế toàn cầu và khu vực vẫn có lợi đối với Việt Nam.** Nền kinh tế toàn cầu phục hồi vững chắc, tăng trưởng mạnh ở khu vực Đông Á và luồng vốn quốc tế mạnh mẽ là những điểm lành cho nền kinh tế Việt Nam. Trong khi Việt Nam cố gắng hạ nhiệt nền kinh tế trong nước bằng cách theo đuổi chính sách tiền tệ và tài khóa thắt chặt, thì nhu cầu xuất khẩu mạnh mẽ ở thị trường bên ngoài phải mang lại sự thúc đẩy cần thiết đối với triển vọng đầu tư và tăng trưởng của Việt Nam.